

Bản án số: 28/2018/HNGĐ - ST

Ngày: 08/8/2018

V/v tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hương

Các hội thẩm nhân dân: - Bà Đỗ Hảo Hoàn

- Bà Bùi Thị Minh Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Ngọc Anh - Thư ký tòa án nhân dân quận Cầu Giấy.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Cầu Giấy tham gia phiên tòa: Ông
Nguyễn Đình Trọng – Kiểm sát viên.

Ngày 08/8/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án ly hôn đã thụ lý số 117/2018/LHST ngày 13/3/2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2018/QĐXX-ST ngày 13/7/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 88/QĐHPT-ST ngày 30/7/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: *Anh Phan Nhuận T, sinh năm 1979.*

Trú tại: Số nhà 46 đường K, phường Q, quận T, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: *Chị Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1979.*

HKTT: Số nhà 68 đường V, phường A, quận M, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ nơi làm việc: Công ty J thành phố Hà Nội, bộ phận tổ xe, số 8 đường G, phường H, quận B, thành phố Hà Nội.

Tại phiên tòa có mặt anh T. Chị D vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Phan Nhuận T trình bày như sau:

Tôi và chị Nguyễn Ngọc D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Q, quận T, thành phố Hà Nội ngày 09/01/2006. Sau khi kết hôn vợ, chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 7/2016 thì phát sinh mâu thuẫn do chị D hỗn láo với gia đình anh. Vợ chồng đã nhiều lần đánh chửi nhau làm mất trật tự nơi ở nên phải công an phường giải quyết. Chúng tôi sống ly thân từ tháng 9/2016 đến nay, vợ tôi đã chuyển về sinh sống cùng bố mẹ đẻ. Trong quá trình sống ly thân tôi và chị D không quan tâm đến nhau. Nay tôi xác định không còn tình cảm với chị D, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn chị D.

Về con chung: Vợ chồng tôi có một con chung tên là Phan Nguyễn Bảo N, sinh ngày 30/12/2015. Từ khi vợ chồng sống ly thân cháu vẫn ở với bố. Nếu ly hôn tôi đề nghị được nuôi con chung, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Nếu không được nuôi con tôi đề nghị giao con cho chị D nuôi, tôi tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/ tháng. Hiện nay tôi làm ở công ty J thành phố Hà Nội thu nhập 14.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: không đề nghị tòa án giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, bị đơn chị Nguyễn không có mặt tại Tòa án. Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng chị D có lời khai như sau:

- Về tình cảm: Về điều kiện kết hôn như anh T trình bày. Trước khi kết hôn tôi và anh T đã chung sống với nhau như vợ chồng tại nhà anh T – số 46, đường K. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình anh T đến tháng 10/2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T cờ bạc, nợ nần nhiều, chị đã nhiều lần về nhà đẻ vay tiền để trả nợ. Tháng 11/2016 tôi đã về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống. Từ ngày về nhà bố mẹ đẻ, tôi và anh T vẫn thường xuyên qua lại, gọi điện thoại cho nhau, thay nhau chăm sóc con chung. Anh T đề nghị xin ly hôn, tôi thấy chưa cần thiết vì muốn con có cả bố và mẹ.

- Về con chung: Vợ chồng tôi có 01 con chung tên Phan Nguyễn Bảo N, sinh ngày 30/12/2015. Từ khi vợ chồng ly thân lúc thì con ở với bố, lúc thì con ở với mẹ.

Theo cung cấp của công an phường Q: trong thời gian anh T, chị D sống tại địa phương có xảy ra tranh cãi to tiếng với nhau do mâu thuẫn vợ chồng. Cảnh sát khu vực đã trực tiếp xuống nhà phối hợp với gia đình để hòa giải, tránh gây mất an ninh trật tự.

Theo cung cấp tại địa phương nơi anh T cư trú: Quá trình chung sống tại đại phương, anh T và chị D xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, kinh tế gia đình anh T làm ăn thua lỗ. Hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, tổ dân phố đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Tháng 9/2016 chị D đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở. Nay anh T làm đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Anh T và chị D có 01 con chung, hiện nay đang ở với anh T. Nếu anh, chị phải ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật để giải quyết.

Tại phiên toà:

Anh Phan Nhuận T khai: Anh, chị kết hôn có đăng ký tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 7/2016 thì phát sinh mâu thuẫn do cách sống của chị D không phù hợp với gia đình anh, nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị ly hôn chị D. Về con chung: anh, chị có 01 con chung tên là Phan Nguyễn Bảo N, sinh ngày 30/12/2015. Khi con được 09 tháng tuổi, chị D để con ở công khách sạn gần nhà anh, anh đã đón con về nuôi từ thời gian đó đến nay. Từ khi anh nuôi con đến nay chị D đến thăm con được 10 lần. Anh đề nghị được nuôi con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay tôi làm ở công ty J thành phố Hà Nội thu nhập 14.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung, công nợ: không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Đối với nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước

khi mở phiên tòa các đương sự đều chấp hành đúng quy định của pháp luật. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh T, anh T được ly hôn chị D. Giao con chung là cháu Phan Nguyễn Bảo N cho chị D nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của anh N không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật: Ngày 09/01/2006 anh Phan Nhuận T và Nguyễn Ngọc D có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân phường Q, quận T, thành phố Hà Nội nên là hôn nhân hợp pháp. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn và khởi kiện ly hôn với chị D nên là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn chị Nguyễn Ngọc D làm việc tại Công ty J thành phố Hà Nội, bộ phận tổ xe, số 8 đường G, phường H, quận B, thành phố Hà Nội nên theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy.

[3] Về quá trình tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ kiện, Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy đã giao các văn bản tố tụng cho chị D nhưng chị D không có mặt tại Tòa án và vắng mặt không có lý do lần 2 khi xét xử, nên Tòa án đã xét xử vắng mặt chị D theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định của pháp luật.

[4] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy tại phiên tòa: đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của anh T, anh T được ly hôn chị D là đúng theo quy định của pháp luật.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Sau khi kết hôn, theo lời khai của anh T, chị D thì sau khi kết hôn anh, chị chung sống hạnh phúc đến tháng 7/2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn theo anh T khai là do cách sống của chị D không phù hợp với gia đình anh, còn theo chị D khai nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T cờ bạc, nợ

nần nhiều. Anh, chị đã sống ly thân từ tháng 7/2018 đến nay. Đến nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị được ly hôn chị D.

Chị D không đến tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy nhưng lời khai tại Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng chị D cũng khẳng định anh, chị có mâu thuẫn, tháng 10/2016 chị đã chuyển về nhà mẹ đẻ ở. Mặc dù chị có nhận được các thông báo của Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhưng chị cũng không có mặt tại Tòa án; anh, chị không có biện pháp để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng chứng tỏ chị D cũng không muốn hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Xét thấy tình trạng hôn nhân vợ chồng giữa anh T và chị D là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài vì không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T có nguyện vọng được ly hôn. Nên, căn cứ quy định tại điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình có đủ cơ sở chấp nhận đơn ly hôn giữa anh T và chị D.

Về con chung: Anh, chị có một con chung là Phan Nguyễn Bảo N, sinh ngày 30/12/2015. Hiện nay cháu đang ở cùng với anh.

Mặc dù con dưới 36 tháng tuổi nhưng chị D không có nguyện vọng nuôi con nên xét đề nghị của anh T được nuôi con, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật, nên được chấp nhận.

Về tài sản chung và công nợ: Anh T không yêu cầu, nên Tòa án không giải quyết.

[6] Về án phí: Anh T phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điều 56, điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 39, điều 147, điều 272, điều 273, điều 371; khoản 9 điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm c mục 11 nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Điều 3, khoản 5 điều 27 nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Phan Nhuận T. Anh Phan Nhuận T được ly hôn chị Nguyễn Ngọc D.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Phan Nguyễn Bảo N, sinh ngày 30/12/2015 cho anh T nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị D cho đến khi có sự thay đổi khác.

Chị D có quyền chăm sóc, thăm hỏi con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung và công nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền anh T đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0002882 ngày 13/7/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng được đối trừ.

Án xử sơ thẩm công khai, anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn, bị đơn
- VKSND quận Cầu Giấy + Tp Hà Nội.
- Tòa án nhân dân Tp Hà Nội
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy
- Lưu hồ sơ và văn phòng TAND quận Cầu Giấy.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Đinh Thị Thu Hương